

Bản án số: 118/2026/DS-ST

Ngày: 29-4-2026

*V/v chấp hợp đồng mua
bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Dương Chiêu Hùng.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Lâm Dũ Quang

Ông Lê Văn Đông

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2026/TLST-DS, ngày 27 tháng 01 năm 2026 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Ong Thị L**, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khu V, phường K, thành phố Cần Thơ; (có mặt)

- **Bị đơn:** Bà **Trang Thị L1**, sinh năm 1962; (vắng mặt)

Ông **Đặng Văn S**, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu V, phường K, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/12/2025 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ong Thị L trình bày: Khoảng vào năm 2009 - 2014 bà L có bán thức ăn tôm sú cho vợ chồng bà Trang Thị L1 và ông Đặng Văn S. Việc mua bán không lập thành hợp đồng, đến ngày 28/01/2014 thì bà L1 có làm tờ cam kết xác nhận còn nợ tiền thức ăn tôm của bà L với số tiền là 11.250.000 đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và ký tên xác nhận. Tuy nhiên, đến nay thời gian trôi qua đã lâu nhưng phía vợ chồng bà L1 và ông S chỉ mới trả bà L được 7.000.000 đồng, còn

nợ lại 4.250.000 đồng, từ sau đó bà L1 không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L nữa mặc dù bà L đã yêu cầu rất nhiều lần.

Nay tại phiên tòa bà Ong Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Trang Thị L1 và ông Đặng Văn S có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền nợ gốc mua thức ăn tôm sú còn thiếu là 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), bà L không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông Đặng Văn S và bà Trang Thị L1 vắng mặt tại các buổi giải quyết của Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Đặng Văn S và bà Trang Thị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Ong Thị L với bị đơn ông Đặng Văn S và bà Trang Thị L1 là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở khu vực T, phường K, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung vụ án: Khoảng vào năm 2009 - 2014 bà L có bán thức ăn tôm sú cho vợ chồng bà Trang Thị L1 và ông Đặng Văn S. Việc mua bán không lập thành hợp đồng, đến ngày 28/01/2014 thì bà L1 có làm tờ cam kết xác nhận còn nợ tiền thức ăn tôm của bà L với số tiền là 11.250.000 đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và ký tên xác nhận. Sau đó vợ chồng bà L1 và ông S trả cho bà L được 7.000.000 đồng, còn nợ lại 4.250.000 đồng.

Thấy rằng bị đơn ông Đặng Văn S và bà Trang Thị L1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng các đương sự từ chối nhận văn bản của Tòa án mặc nhiên các đương sự đã thừa nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không đồng ý trả nợ, đối với nguyên đơn chứng minh được bị đơn còn nợ nguyên đơn là cung cấp sổ ghi nhận nợ có bà Trang Thị L1 xác nhận vào ngày 28/01/2014, tình tiết nêu trên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố

tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ong Thị L là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với nợ lãi: Nguyên đơn bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Ong Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông S và bà L1 phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, do nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải xử lý. Bị đơn ông S và bà L1 phải cùng liên đới chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do ông S và bà L1 là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn nộp tiền án phí gửi đến Tòa án nên các bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ong Thị L đối với bị đơn ông Đặng Văn S và bà Trang Thị L1.

Buộc bị đơn ông Đặng Văn S và bà Trang Thị L1 cùng liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà Ong Thị L số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Ong Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông S và bà L1 phải cùng liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Ong Thị L không phải chịu án phí, do nguyên đơn bà L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải xử lý.

- Bị đơn ông Đặng Văn S và bà Trang Thị L1 phải cùng liên đới chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ (Phòng GĐTTKT&THA);
- VKSND khu vực 8- Cần Thơ;
- Đương sự;
- THADS TP Cần Thơ (Khu vực 8);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng